

# TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÌNH CHỈ VỤ ÁN THEO YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP

Nguyễn Mạnh Hiền  
Vụ trưởng Vụ 1, VKSNDTC

Trong những năm qua, thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 08- NQ/TW ngày 02/01/2002, số 48 ngày 24/5/2005, Nghị quyết 49- NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp, một số nhiệm vụ trọng công tác tư pháp đến năm 2020 và các văn kiện Đại hội của Đảng, công tác tư pháp đã được đạt được một số thành tựu to lớn, được Bộ chính trị ghi nhận: "công cuộc cải cách tư pháp đã được cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo và tổ chức thực hiện với quyết tâm cao, đạt được nhiều kết quả. Nhận thức và sự quan tâm đối với công tác tư pháp có nhiều thay đổi theo hướng tích cực; chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng lên một bước, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Nhưng bên cạnh những tích cực và thành tựu đã đạt được chất lượng công tác tư pháp còn chưa ngang tầm với đòi hỏi, *vẫn còn tình trạng bỏ lọt tội phạm, oan sai trong điều tra, truy tố, xét xử, vi phạm các quyền tự do, dân chủ*, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các Cơ quan tư pháp; đội ngũ cán bộ tư pháp còn yếu về *trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh nghề nghiệp*, một bộ phận còn tiêu cực, thiếu trách nhiệm, sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vì vậy, nhiệm vụ cải cách tư pháp là đòi hỏi tất yếu, khách quan.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong các Nghị quyết nêu trên là công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự, nhưng phải đảm bảo, tôn trọng quyền dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân; *đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý tội phạm; khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự*, nhưng không bỏ lọt tội phạm. Nhiệm vụ trọng tâm là phải *nâng cao chất lượng công tác điều tra*, thực hiện tốt công tác xử lý tin báo, tố giác tội phạm, *tăng cường phối hợp* giữa các cơ quan tố tụng để phục vụ tốt công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. *Viện kiểm sát các cấp cần thực hiện tốt chức năng công tố việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp*. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những sai phạm của những người tiến hành tố tụng.

Từ quan điểm chỉ đạo của Đảng, toàn ngành Kiểm sát đã tập trung nghiên cứu đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Đã xác định một trong những nhiệm vụ

trọng tâm là tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động đình chỉ điều tra án hình sự, *không bỏ lọt tội phạm, nhưng không làm oan người vô tội*, hạn chế thấp nhất các trường hợp đã phê chuẩn khởi tố nhưng sau phải đình chỉ điều tra. Quán triệt tinh thần nêu trên, Chỉ thị công tác các năm từ 2002 - 2010 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao trách nhiệm của Viện kiểm sát đối với hoạt động đình chỉ, đảm bảo việc đình chỉ là có căn cứ, đúng pháp luật, hạn chế thấp nhất các trường hợp khởi tố, điều tra sau phải đình chỉ, nhất là các trường hợp đình chỉ do không phạm tội. Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã nghiêm túc thực hiện chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tìm ra các biện pháp để giảm số vụ án và bị can phải đình chỉ điều tra, nhất là đối với các trường hợp đình chỉ do không có sự kiện phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm. Lãnh đạo Viện kiểm sát các tỉnh, thành phố đã giao cho Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự chịu trách nhiệm quản lý và tăng cường kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm sát điều tra và giải quyết các vụ án thỉnh thị, giúp các Viện kiểm sát huyện, thị tháo gỡ kịp thời những vướng mắc. Đối với án thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, thành phố qua nghiên cứu đề xuất của kiểm sát viên thấy có căn cứ phải đình chỉ, trước khi ra quyết định đình chỉ điều tra phải báo cáo tập thể UBKS tỉnh; án thuộc thẩm quyền của cấp huyện nhưng xét thấy không đủ căn cứ buộc tội hoặc các trường hợp có căn cứ để miễn truy cứu trách nhiệm hình sự thì trước khi đình chỉ điều tra phải có công văn kèm theo hồ sơ vụ án để báo cáo phòng nghiệp vụ cho chủ trương giải quyết. Do có sự chỉ đạo, quản lý chặt chẽ của Viện kiểm sát các tỉnh nên số án đình chỉ điều tra từ năm 2005 đến 2010 đã giảm nhiều. Số vụ án và bị can đình chỉ năm sau giảm hơn năm trước, số người đình chỉ do hành vi không cấu thành tội phạm hoặc không có sự kiện phạm tội cũng giảm đáng kể.

Một trong những biện pháp nhằm tăng cường trách nhiệm thực hành quyền công tố theo yêu cầu của cải cách tư pháp đối với hoạt động đình chỉ vụ án đang được Viện kiểm sát các cấp thực hiện có hiệu quả là tăng cường công tác phối hợp, quan hệ chặt chẽ với các Cơ quan Cảnh sát điều tra cùng cấp, nghiêm túc thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật từ khâu tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm đến khởi tố, điều tra, truy tố nên chất lượng hoạt động đình chỉ vụ án đã được nâng cao rõ rệt, hạn chế được nhiều trường hợp khởi tố sau phải đình chỉ vì không đủ căn cứ chứng minh tội phạm. Đi đôi với việc hướng dẫn công tác hàng năm, lãnh đạo Viện kiểm sát tỉnh thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng đối với vụ án hình sự của các đơn vị nghiệp vụ và các Viện kiểm sát cấp huyện. Qua các hoạt động, Viện kiểm sát các cấp đã phát hiện nhiều trường hợp sau khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, Viện kiểm sát xét thấy không có căn cứ để khởi tố bị can, đã yêu cầu Cơ quan điều tra đình chỉ chấm dứt các hoạt động tố tụng.

Tăng cường trách nhiệm thực hành quyền công tố trong hoạt động đình chỉ vụ án theo yêu cầu của cải cách tư pháp, trước hết phải nhận thức đúng, hiểu đúng và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đình chỉ vụ án.

## **I. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐÌNH CHỈ VỤ ÁN**

Theo quy định tại các Điều 36, 105, 107, 109, 112, 164, 166, 169, 181, 313, 317 BLTTHS, Điều 19, 25, 69, 80, 289, 290, 314 BLHS, Viện kiểm sát nhân dân trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình, khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng đối với vụ án hình sự, có trách nhiệm đảm bảo việc khởi tố của việc khởi tố vụ án có căn cứ và hợp pháp; việc đình chỉ, việc ra quyết định đình chỉ của CQĐT là có căn cứ, đúng pháp luật. Viện kiểm sát có quyền Quyết định không phê chuẩn các quyết định chưa đảm bảo chứng cứ; đình chỉ hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Viện kiểm sát cấp dưới; của Cơ quan Cảnh sát điều tra; Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

### **1. Đình chỉ vụ án trong giai đoạn điều tra**

Theo quy định tại Điều 164 BLTTHS, CQĐT chỉ được đình chỉ điều tra trong những trường hợp: Có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 (người yêu cầu khởi tố rút yêu cầu) và Điều 107 (những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự) của BLTTHS hoặc tại Điều 19 (người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội), Điều 25 (miễn trách nhiệm hình sự) và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự (miễn trách nhiệm hình sự cho người chưa thành niên phạm tội); Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm. Nội dung Quyết định đình chỉ điều tra phải ghi rõ thời điểm ra quyết định, lý do và căn cứ đình chỉ điều tra, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, trả lại đồ vật, tài liệu đã tạm giữ và những vấn đề khác có liên quan.

### **2. Đình chỉ vụ án trong giai đoạn truy tố**

Theo quy định tại Điều 169, 181 BLTTHS, Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 của Bộ luật này hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự. Trong trường hợp quyết định đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát cấp dưới không có căn cứ và trái pháp luật, thì Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên có quyền hủy bỏ quyết định đó và yêu cầu Viện kiểm sát cấp dưới ra quyết định truy tố. Trường hợp VKS đã có cáo trạng truy tố, chuyển hồ sơ sang Tòa án để xét xử, nhưng xét thấy có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự hoặc có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo theo quy định tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự, thì Viện kiểm sát phải rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án.

### **3. Trách nhiệm của VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động đình chỉ vụ án**

Đình chỉ điều tra là chấm dứt tố tụng hình sự, trong một số trường hợp là bắt đầu cho những trách nhiệm pháp lý khác, nên trước khi quyết định đình chỉ điều tra, các cơ quan tố tụng cần phải xem xét kỹ, đầy đủ, khách quan về các mặt chứng cứ và những căn cứ pháp luật. Như đã nêu trên, BLTTHS quy định

những trường hợp đình chỉ điều tra, nên không được phép đình chỉ điều tra vì những lý do khác, ví dụ không thể “*xét thấy không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự*” để làm lý do đình chỉ.

Trách nhiệm của VKS phải đảm bảo các quyết định đình chỉ điều tra vụ án là khách quan, thận trọng, có căn cứ, không làm oan người vô tội, nhưng không bỏ lọt tội phạm; việc ra các quyết định phải kịp thời, đúng thời điểm, nhằm thể hiện tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật, tính nhân đạo, khoan hồng của chế độ ta, cũng như hạn chế thấp nhất những thiệt hại do cơ quan tố tụng gây ra đối với trường hợp khởi tố oan sai. Trường hợp, xét thấy có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107, những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự, thì ngay từ khi phát hiện có căn cứ thì phải kịp thời ra quyết định đình chỉ điều tra; trường hợp hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra đã thực hiện đầy đủ những việc làm cần thiết trong khả năng cho phép, nhưng vẫn không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm thì phải đình chỉ điều tra; khi người yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trong giai đoạn truy tố, VKS ra quyết định đình chỉ; nếu rút yêu cầu trước khi mở phiên tòa thì Viện kiểm sát đề nghị Tòa án ra quyết định đình chỉ; ngoài ra, VKS ra quyết định đình chỉ vụ án trong giai đoạn truy tố khi có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 của Bộ luật này hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự. Trong mọi trường hợp quyết định đình chỉ vụ án phải nêu rõ, đầy đủ lý do và căn cứ đình chỉ theo đúng quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyết định đình chỉ là có căn cứ, sau khi Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra, hồ sơ vụ án phải được chuyển sang VKS cùng cấp, để VKS thực hiện chức năng kiểm sát. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra, nếu thấy quyết định đình chỉ điều tra có căn cứ thì Viện kiểm sát trả lại hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền; nếu thấy quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ thì hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra phục hồi điều tra; nếu thấy đủ căn cứ để truy tố thì hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố.

**4. Miễn trách nhiệm hình sự** là một trong những chế định quan trọng trong luật hình sự Việt Nam thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội và hành vi do họ thực hiện, đồng thời qua đó nhằm động viên, khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng và giúp họ trở thành người có ích cho xã hội. tuy nhiên, qua việc kiểm tra án đình chỉ cho thấy, hầu hết những tồn tại trong hoạt động đình chỉ liên quan đến việc đình chỉ MTNHS; liên quan đến vấn đề quan điểm, nhận thức và vận dụng pháp luật. Do đó để hạn chế những tồn tại trong việc áp dụng đình chỉ MTNHS, cần nhận thức đúng, thống nhất những quy định của pháp luật về đình chỉ MTNHS.

Miễn trách nhiệm hình sự là loại bỏ hậu quả pháp lý cho người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm. Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định 9 trường hợp miễn trách nhiệm hình sự quy định tại các Điều 19, Điều 25, Khoản 2 Điều 69, khoản 3 Điều 80, khoản 6 Điều

289, khoản 6 Điều 290 và khoản 3 Điều 314, để tránh những tồn tại trong việc áp dụng đình chỉ MTNHS cần có nhận thức thống nhất như sau:

#### ***4.1. Về miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện tội phạm (Điều 19 BLHS)***

Người được MTNHS chỉ trong trường hợp tội phạm đã thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt (chưa hoàn thành), đồng thời cũng không phụ thuộc đó là tội phạm nào (tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng). Trường hợp hành vi thực tế đã thực hiện của người phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này. Như vậy, đây là quy định vừa mang tính nhân đạo nhưng đồng thời cũng thể hiện nguyên tắc pháp chế, công bằng trong đường lối xử lý, cũng như trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ các quan hệ xã hội khỏi tội phạm xâm hại hoặc đe dọa xâm hại.

#### ***4.2. Về miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 25 BLHS***

Khoản 1 Điều 25 BLHS qui định: “*Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, nếu khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa*”.

Cần nhận thức là sự chuyển biến tình hình phải được hiểu đó là sự đánh giá của Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền về hành vi cụ thể mà trước đó được xác định là hành vi nguy hiểm cho xã hội và bị coi là tội phạm, nhưng nay do có sự thay đổi về tình hình, chính sách kinh tế - chính trị - xã hội nên hành vi đó không còn nguy hiểm cho xã hội. Tại thời điểm khởi tố, hành vi là hành vi phạm tội, đúng theo quy định của BLHS; nhưng sau đó có sự thay đổi chính sách pháp luật là sự kiện khách quan đã làm thay đổi đường lối xử lý đối với hành vi phạm tội đó nên phải được xác định là có sự chuyển biến tình hình.

Sự chuyển biến tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của địa phương cũng có thể làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội. Sự chuyển biến tình hình kinh tế - chính trị - xã hội tại mỗi địa phương sẽ được xác định bằng các văn bản quy định của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân hay của các Sở, Ban, Ngành của tỉnh. Thực tế cho thấy trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, với yêu cầu phân hóa trong việc xử lý và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi đã có sự thay đổi do tình hình an ninh trật tự của địa phương đã có những chuyển biến so với thời điểm khởi tố; việc đình chỉ điều tra sẽ giúp cho việc ổn định tình hình của địa phương. Điều này có thể thấy rất rõ qua việc xử lý trong vụ bạo động mang tính chất xâm phạm an ninh quốc gia xảy ra tại Tây Nguyên thời gian vừa qua, các cơ quan bảo vệ pháp luật đã phải khởi tố nhiều đối tượng, nhưng trong quá trình xử lý, do tình hình chính trị - xã hội tại địa phương đã được ổn định, với chính sách nhân đạo của Nhà nước và để phân hóa phục vụ yêu cầu chính trị của địa phương; nhiều trường hợp đã được đình chỉ điều tra miễn TNHS theo Điều 25 BLHS (Đắc Lắc: 48 trường

hợp; Gia Lai: 222 trường hợp). Điển hình là Thông báo Liên ngành số 71/TBLN-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 24/9/2010 về việc xử lý các đối tượng người dân tộc thiểu số vi phạm pháp luật liên quan đến ma tuý tại khu vực giáp ranh 3 tỉnh Hoà Bình, Sơn La và Thanh Hoá; theo đó đối tượng phạm tội về ma tuý là người thiểu số, mặc dù phạm tội nhiều lần, nghiêm trọng, nhưng nếu đáp ứng được các điều kiện theo qui định của thông báo... trong trường hợp đặc biệt có thể được miễn TNHS. Thông báo này thể hiện rõ ràng về sự phân hoá trong xử lý, thể hiện: đối tượng là người thiểu số, phù hợp với chính sách dân tộc của Nhà nước; địa lý vùng miền, phù hợp với tính chất của địa phương; phân hoá giữa những người phạm tội chuyên nghiệp với những người do nhận thức kém, hoặc vì hoàn cảnh khó khăn về kinh tế.

Việc xử lý như vậy đã phát huy được hiệu quả tích cực của chế định, vừa đảm bảo việc trừng trị, trấn áp đối với những kẻ cầm đầu, chống phá tích cực, vừa phân hóa được những người bị lôi kéo, kích động thấy rõ được chính sách nhân đạo của pháp luật, của Nhà nước; đáp ứng được yêu cầu ổn định tình hình chính trị - xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy về quan điểm nhận thức cho rằng việc đình chỉ điều tra miễn TNHS để phục vụ yêu cầu chính trị của địa phương, hiện còn nhiều quan điểm chưa thống nhất.

#### ***4.3. Về miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 25 BLHS***

Khoản 2 - Điều 25 BLHS qui định: “ Trong trường hợp trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, thì cũng có thể được miễn trách nhiệm hình sự”.

Trên thực tế, nhiều đơn vị trong ngành áp dụng khoản 2 - Điều 25 BLHS để đình chỉ điều tra miễn TNHS chỉ với các lý do bị can thành khẩn khai báo, giúp cơ quan điều tra điều tra tội phạm, tự nguyện khắc phục hết hậu quả. Theo quy định thì đối tượng được áp dụng đòi hỏi phải hội tụ đủ 3 điều kiện, trong đó có điều kiện tiên quyết là người phạm tội tự thú trước khi hành vi phạm tội bị phát giác. Thực tế cho thấy cũng chỉ áp dụng đối với các trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng; chưa có áp dụng nào đối với trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; mặc dù với quy định của điều khoản này hiện tại thì việc miễn TNHS có thể áp dụng cho tất cả các mức độ phạm tội, miễn TNHS là có đủ các điều kiện đã quy định. Xuất phát từ nhận thức về yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm khi cho rằng đối với những đối tượng đã có hành vi đặc biệt nghiêm trọng như giết người một cách dã man hoặc giết nhiều người hoặc đối tượng tái phạm, tái phạm nguy hiểm... thì dù có đủ 3 điều kiện cũng không thể áp dụng đình chỉ điều tra miễn TNHS theo quy định của khoản 2 - Điều 25 BLHS, vì sẽ làm mất đi tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, đây là điều khoản mang tính tùy nghi, nên việc xem xét miễn TNHS cho trường hợp nào cũng cần có hướng dẫn cụ thể.

#### **4.4. Về miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội (khoản 2 Điều 69 BLHS)**

*“Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan tổ chức nhận giám sát, giáo dục”.*

Đây là trường hợp miễn trách nhiệm hình sự có tính chất tùy nghi và thuộc thẩm quyền của tất cả các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng, nếu đáp ứng đầy đủ căn cứ pháp lý và những điều kiện do luật định. Điều này khác với Bộ luật hình sự năm 1985 (Khoản 3 Điều 59) thẩm quyền miễn trách nhiệm hình sự cho người chưa thành niên thuộc về duy nhất một cơ quan - Viện Kiểm sát nhân dân. Như vậy, điều kiện để người chưa thành niên được áp dụng chế định nhân đạo này của Bộ luật Hình sự năm 1999 khi có đủ các điều kiện 4 điều kiện: Người phạm tội là người chưa thành niên; Tội phạm mà người đó thực hiện phải là tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn; Có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại Điều 46 BLHS; Người đó được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục. Việc quy định những điều kiện trên có cơ sở giúp cho người chưa thành niên có điều kiện sửa chữa sai lầm, tạo điều kiện để họ phát triển lành mạnh và trở thành những người có ích cho xã hội, đồng thời góp phần xã hội hóa hoạt động giáo dục, cải tạo người phạm tội, đưa họ vào chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, việc luật quy định “Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn...” (Khoản 2 Điều 69) gây khó hiểu, bởi khoản 3 Điều 8 BLHS quy định “Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù”. Vì vậy, cần có sự hướng dẫn của cấp có thẩm quyền để việc áp dụng được thống nhất.

#### **4.5. Một số trường hợp cụ thể**

*\* Về miễn trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội gián điệp (khoản 3 Điều 80 BLHS)*

Tội gián điệp là tội phạm đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia. Đối với tội này, Nhà nước ta có đường lối xử lý rất nghiêm khắc và kiên quyết. Bởi lẽ, ổn định và giữ vững an ninh quốc gia bao giờ cũng là vấn đề sống còn vô cùng quan trọng của bất kỳ quốc gia nào. Mặc dù vậy, nhưng trong xử lý các vụ án gián điệp Nhà nước ta vẫn có chính sách thể hiện tính chất nhân đạo, công bằng như xử lý với các tội khác. Vì vậy, Khoản 3 Điều 80 BLHS quy định “Người đã nhận làm gián điệp nhưng không thực hiện nhiệm vụ được giao và đã tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì được miễn trách nhiệm hình sự”. Đây là trường hợp miễn trách nhiệm hình sự bắt buộc khi nhà làm luật sử dụng thuật ngữ “được miễn”. Theo đó, người phạm tội lúc đầu nhận làm gián điệp nhưng sau đó hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm

vụ thì họ đã nhận ra hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nếu bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát hiện thì bản thân phải chịu hình phạt rất nghiêm khắc và ngoài ra còn gây ảnh hưởng rất lớn đến tình hình an ninh, chính trị của đất nước. Mặt khác, cũng có thể hoàn cảnh, điều kiện dẫn đến việc người đó phạm tội là do bị ép buộc, mua chuộc hay bị dụ dỗ mà nhận nhiệm vụ, cung cấp các tin tức cho nước ngoài. Do vậy, nếu họ không thực hiện nhiệm vụ được giao và đã đi tự thú, khai báo thành khẩn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình thì căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội nhận thấy là người phạm tội đã thực sự ăn năn hối cải nên việc truy cứu trách nhiệm với họ là không cần thiết thì họ được miễn trách nhiệm hình sự.

*\* Về miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội đưa hối lộ hoặc môi giới hối lộ ( khoản 6 Điều 289 và khoản 6 Điều 290)*

Tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ được ghi nhận tại khoản 6 Điều 289 và khoản 6 Điều 290 BLHS 1999. Điều kiện để được miễn trách nhiệm hình sự về hành vi đưa hối lộ, được ghi nhận tại đoạn 2 Khoản 6 Điều 289 BLHS 1999 đó là "*người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ*". Người đã thực hiện các hành vi đưa hối lộ; lẽ ra họ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đưa hối lộ, song do khi chưa bị phát giác, mặc dù không bị ai ép buộc và bản thân có thể giữ kín mà không ai biết nhưng họ đã chủ động khai báo và tự nhận hành vi phạm tội của mình trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Với hành động như vậy thể hiện họ đã tự mình ăn năn hối cải, khai báo hành vi phạm tội của mình và những người phạm tội khác. Vì vậy, pháp luật quy định trường hợp này có thể được xem xét để miễn trách nhiệm hình sự với người phạm tội, thể hiện tính nhân đạo trong pháp luật hình sự, hướng vào việc khuyến khích lẽ phải, động viên điều tốt, điều thiện ở mỗi con người sau khi đã thực hiện tội phạm.

Còn đối với tội môi giới hối lộ, BLHS 1985 không quy định cho họ được miễn trách nhiệm hình sự. Điều này có nghĩa bất kể trường hợp nào có đủ hành vi môi giới hối lộ thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Đến BLHS 1999 thì tội môi giới hối lộ được tách ra thành một điều luật riêng biệt và người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp này được ghi nhận tại Khoản 6 Điều 290 BLHS 1999 với nội dung "*người môi giới hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*".

Như vậy, hai trường hợp miễn được phân tích ở trên là các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự có tính chất *tùy nghi* và được áp dụng theo các căn cứ pháp lý và những điều kiện do các điều luật tương ứng đó quy định. Điều này thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta nhằm nghiêm trị những đối tượng nhận hối lộ, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích những người tố giác chủ động khai báo để phát hiện sớm và đấu tranh có hiệu quả đối với các tội phạm hối lộ.



\* Về miễn trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội không tố giác tội phạm (Điều 314 BLHS)

Hành vi không tố giác tội phạm luôn luôn được thực hiện dưới hình thức không hành động. Người phạm tội biết rõ có tội phạm xảy ra nhưng cố ý không báo cho cơ quan có thẩm quyền biết. Hành vi này chỉ cấu thành tội phạm khi không tố giác một trong những tội phạm nhất định được quy định cụ thể (mà Điều 314 quy định và dẫn chiếu ở Điều 313 BLHS). Tuy nhiên, người không tố giác tội phạm nếu đã có hành vi can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt (Khoản 3 Điều 314). Trong trường hợp này mặc dù người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội và lẽ ra họ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này nhưng do họ có một trong các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều luật ấy nên họ được miễn trách nhiệm hình sự và những điều kiện đó bao gồm: *Thứ nhất*, người không tố giác tội phạm phải có hành động can ngăn người phạm tội và hạn chế tác hại của tội phạm.

Đây cũng là trường hợp miễn trách nhiệm hình sự có tính chất tùy nghi, khi có cơ sở cho thấy, người tuy không tố giác tội phạm nhưng có đủ căn cứ do luật định. Song, so với quy định tại BLHS 1985 thì BLHS 1999 có một điểm khác. Cụ thể, quy định về không tố giác tội phạm tại Điều 22 BLHS 1999 có một khoản về việc loại trừ trách nhiệm hình sự cho người không tố giác tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội trừ trường hợp không tố giác tội phạm là các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội đặc biệt nghiêm trọng (cũng giống với Khoản 2 Điều 314 Bộ luật này). Việc quy định này phù hợp với đạo lý, phong tục, tập quán của người Việt Nam.

## II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÌNH CHỈ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

### 1. Số liệu thống kê

Theo số liệu báo cáo của 63 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện KSND tối cao thì từ năm 2005 đến hết năm 2010, các Cơ quan tiến hành tố tụng ở Trung ương và các địa phương đã thụ lý kiểm sát điều tra 416.274 vụ án/621.480 bị can; trong giai đoạn điều tra, truy tố đã đình chỉ điều tra 13.298 vụ án/19.139 bị can chiếm 3,08% số bị can khởi tố điều tra; trong đó đình chỉ điều tra miễn trách nhiệm hình sự 8.170 trường hợp, chiếm 42,69% số trường hợp đình chỉ điều tra; đình chỉ điều tra vì không phạm tội 1.060 trường hợp, chiếm 5,54% số trường hợp đình chỉ điều tra.

So với năm 2009, do việc Viện kiểm sát các cấp đã quan tâm kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc áp dụng các căn cứ pháp luật trong trường hợp đình chỉ điều tra bị can, đình chỉ điều tra vụ án, nhất là các trường hợp đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội, đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với 2.495 bị can, giảm 2.364 trường hợp; trong đó, có 85 bị can do không phạm tội

(Cơ quan điều tra đình chỉ 65 bị can, Viện kiểm sát đình chỉ 20 bị can), giảm 19 bị can (giảm 18,27% so với năm 2009); đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 25 Bộ luật hình sự đối với 734 bị can.

## **2. Đánh giá chung**

### **2.1. Về ưu điểm**

- Nhìn chung, tỷ lệ đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra và của Viện kiểm sát các cấp không cao nếu so với tổng số trường hợp đã thụ lý giải quyết (3,08%). Mặc dù vẫn còn có những nhận thức khác nhau về pháp luật nhưng đa số các trường hợp đình chỉ đều có căn cứ pháp luật.

- Trong số các trường hợp do Viện kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra miễn TNHS đến nay chỉ có 1 trường hợp đình chỉ sai do áp dụng pháp luật (đình chỉ theo Điều 107 BLTTHS nhưng lại đình chỉ theo Điều 25 BLHS) phải xem xét việc bồi thường theo Nghị quyết 388 của ủy ban Thường vụ Quốc hội (trường hợp Nguyễn Thị Minh - Gia Lai). Điều này đã phản ánh ý thức trách nhiệm và sự quan tâm của các cấp kiểm sát trong công tác quản lý và kiểm tra việc áp dụng và vận dụng miễn trách nhiệm hình sự.

- Về hình thức văn bản, nhìn chung, các quyết định đình chỉ đều đảm bảo về các nội dung theo mẫu của ngành; đã có sự chú trọng hơn trong việc nêu lý do đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự phù hợp với kết quả điều tra phản ánh trong hồ sơ vụ án.

### **2.2. Tồn tại**

- Một số quyết định đình chỉ không nêu điều, khoản luật áp dụng; hoặc chỉ nêu căn cứ điều luật áp dụng, nhưng không nêu lý do đình chỉ; Thiểu sót này xảy ra ở nhiều đơn vị như: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trong 123 trường hợp (trong đó của cấp tỉnh có 110 quyết định không ghi khoản áp dụng); tỉnh Bắc Giang có 48 trường hợp (của Cơ quan điều tra 19 trường hợp; của Viện kiểm sát 29 trường hợp); Vụ 1B có 43/54 trường hợp; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có 38 trường hợp; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 17/30 trường hợp (cấp tỉnh 14); Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên 11/15 trường hợp.

- Một số quyết định đình chỉ miễn TNHS điều luật căn cứ áp dụng không chính xác. VD: Bị hại rút yêu cầu thì phải đình chỉ theo Khoản 2 Điều 105 Bộ luật TTHS nhưng lại đình chỉ MTNHS theo khoản 2 Điều 25; tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm phải đình chỉ theo Điều 19 BLHS, nhưng lại đình chỉ theo Khoản 1 Điều 25.

- Một số trường hợp đình chỉ do nhận thức pháp luật không đầy đủ hoặc lé tránh trách nhiệm đã ra quyết định đình chỉ không chính xác, như:

+ Trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, theo quy định tại khoản 2, Điều 105 Bộ luật TTHS, trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì phải áp dụng Điều 105 Bộ luật TTHS để đình chỉ, nhưng quyết định đình chỉ lại ghi áp dụng Điều 25 BLHS

+ Hành vi không cấu thành tội phạm hoặc không chứng minh được bị can đã thực hiện hành vi phạm tội; khi đình chỉ lẽ ra căn cứ áp dụng phải theo Điều 107; khoản 2, Điều 164 Bộ luật TTHS, nhưng lại áp dụng Điều 25 BLHS để đình chỉ điều tra miễn TNHS. Theo Bộ luật TTHS quy định thì việc đình chỉ điều tra thuộc thẩm quyền của Cơ quan cảnh sát điều tra được quy định tại Điều 164; thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát được quy định tại Điều 169; Khi có những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Điều 107 Bộ luật TTHS hoặc đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát phải ra quyết định đình chỉ điều tra; việc đình chỉ điều tra trong các trường hợp này là do hành vi của họ không cấu thành tội phạm hoặc không chứng minh được họ đã có hành vi phạm tội; căn cứ áp dụng phải theo Điều 107; khoản 2 - Điều 164 Bộ luật TTHS.

Qua kiểm tra hoạt động đình chỉ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các cấp, từ năm 2005 đến năm 2010, đã phát hiện 48 trường hợp đình chỉ của các cơ quan tố tụng 15 tỉnh, thành phố đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1, 2 Điều 25 BLHS, nhưng thuộc những trường hợp đình chỉ không tội; trong đó 23 trường hợp do Cơ quan điều tra đình chỉ, 25 trường hợp do VKS các cấp đình chỉ. Xảy ra các sai phạm nêu trên đều có nguyên nhân do VKS đã không thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ ngay từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can; đã phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can không đủ căn cứ khởi tố, hành vi không phải là tội phạm; hoặc không thực hiện yêu cầu giám định bắt buộc trước khi khởi tố đối với một số tội phạm mà yếu tố định lượng là bắt buộc; hồ sơ phê chuẩn không đầy đủ nhưng vẫn phê chuẩn, ví dụ: khởi tố Tội “Trộm cắp tài sản” Điều 138 BLHS, nhưng giá trị tài sản trộm cắp thấp hơn quy định (Cơ quan điều tra Hà Nam); khởi tố Tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 2 Điều 314 BLHS, nhưng lại thuộc trường hợp không đặc biệt nghiêm trọng (VKS Sơn La); khởi tố tội “Hủy hoại tài sản” Điều 143 BLHS nhưng không giám định được thiệt hại về tài sản (VKS Quảng Bình); khởi tố tội “Cố ý gây thương tích” Điều 104 BLHS từ khi chưa giám định thương tích, khi giám định lại thấp hơn quy định (Cơ quan điều tra Thanh Hóa); khởi tố tội “Cố ý làm trái” Điều 165 BLHS có thiệt hại dưới mức cấu thành tội phạm (VKS Phú Yên); khởi tố tội “Hiếp dâm” Điều 111 BLHS nhưng bị can chưa đến tuổi chịu TNHS, hoặc có sự đồng tình của chính bị hại (VKS Kiên Giang, Cơ quan điều tra Bạc Liêu); khởi tố tội “Đánh bạc” Điều 248 BLHS, nhưng không xác định được số tiền đánh bạc là bao nhiêu (VKS Bà Rịa - Vũng Tàu); khởi tố tội “Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có” Điều 250 BLHS, nhưng tài sản là hợp pháp; khởi tố tội “Vi phạm ... giao thông” Điều 202 BLHS, nhưng không xác định được yếu tố lỗi của người vi phạm (VKS Bạc Liêu); khởi tố tội “Tham ô tài sản” Điều 278 BLHS, nhưng không chứng minh được yếu tố chiếm đoạt; khởi tố tội “Giao cấu với trẻ em” Điều 115 BLHS, nhưng nạn nhân là người lớn (Cơ quan điều tra Bạc Liêu) ...

+ Trường hợp người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn TNHS về tội định phạm; đối với trường hợp này phải áp dụng căn cứ Điều 19 BLHS, nhiều Viện kiểm sát đã áp dụng Điều 25 BLHS để đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự, như: trường hợp Nguyễn Văn Phúc bị khởi tố về “Tội trộm cắp

tài sản”, do nửa chừng chấm dứt tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đình chỉ theo khoản 1 - Điều 25 BLHS; trường hợp Nguyễn Văn Quê bị khởi tố về “Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác”, do tự ý nửa chừng chấm dứt thực hiện tội phạm, Viện kiểm sát miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 25 BLHS (Kiên Giang). Trường hợp Lê Văn Ngoan bị khởi tố về “Tội cướp tài sản”, do tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện tội phạm, nên Viện kiểm sát áp dụng Điều 19 và khoản 1 - Điều 25 BLHS đình chỉ (Bạc Liêu).

+ Nếu lý do đình chỉ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 BLHS để xem xét giảm hình phạt khi Tòa án xét xử, như: phạm tội lần đầu, phạm tội ít nghiêm trọng, vai trò thứ yếu, thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả, nhân thân tốt, gia đình có người có nhiều huân, huy chương ... Theo thống kê của một số đơn vị như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trong tổng số 166 trường hợp đình chỉ thì đã có 106 trường hợp miễn TNHS với các lý do nêu trên, trong đó chủ yếu là cấp tỉnh (100 trường hợp); Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có 50/140 trường hợp; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có 19/19 trường hợp.

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại**

#### **3.1. Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức pháp luật của một số bộ phận là lãnh đạo, Kiểm sát viên, cán bộ còn hạn chế, chưa thấu đáo, thiếu việc chủ động nghiên cứu, nắm vững nội dung các qui định của điều luật để áp dụng, nên không nắm hết được ý nghĩa tích cực cũng như nội dung qui định của pháp luật về hoạt động đình chỉ trong hoạt động tố tụng hình sự.

- Không ít cán bộ còn có xu hướng lạm dụng áp dụng miễn trách nhiệm hình sự để đình chỉ điều tra; nhiều quyết định đình chỉ việc áp dụng và vận dụng pháp luật còn giản đơn, chưa chính xác và có tâm lý ngại trách nhiệm.

- Do bản lĩnh nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, kiểm sát chưa cao; đình chỉ lại là vấn đề nhạy cảm, nên cũng có hiện tượng ngại trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; bên cạnh đó còn có cả biểu hiện áp dụng pháp luật không khách quan, lách luật.

- Cũng có trường hợp do nhận thức máy móc, không nắm bắt kịp thời những thay đổi chính sách kinh tế, chính trị, xã hội và nhiệm vụ chính trị của địa phương; áp dụng, vận dụng những quy định phù hợp của pháp luật; đã ra quyết định đình chỉ không kịp thời, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân.

#### **3.2. Nguyên nhân khách quan**

- Đình chỉ điều tra, đình chỉ miễn TNHS là những chế định quan trọng, được quy định trong BLHS từ năm 1985, đến nay đã qua các lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997 và năm 1999, hiện vẫn tiếp tục được ghi nhận và được hoàn thiện hơn; tuy nhiên, nhiều quy định pháp luật về hoạt động này, đến nay chưa có văn bản giải thích, hướng dẫn nào của cơ quan có thẩm quyền, như

hướng dẫn về đình chỉ MTNHS theo quy định tại Điều 25 BLHS; dẫn đến việc nhận thức và áp dụng, vận dụng chưa được thống nhất.

- Việc quản lý, kiểm tra về áp dụng, vận dụng các quy định của pháp luật về đình chỉ điều tra tuy đã được các cấp lãnh đạo quan tâm, tiến hành thường xuyên và là một trong tiêu chí kiểm tra hàng năm, nhưng việc kiểm tra chưa thực sự đi vào chiều sâu để kịp thời phát hiện sai phạm và có biện pháp uốn nắn hoặc qua đó tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đề xuất biện pháp tháo gỡ; công tác nghiên cứu, rút kinh nghiệm và tổ chức tập huấn để nâng cao nhận thức cho cán bộ, kiểm sát viên các cấp chưa được chú trọng đúng mức.

### **III. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Giải pháp**

- Trong việc áp dụng chế định, cần nhận thức đầy đủ, đúng đắn, tích cực về vai trò, ý nghĩa của chế định là sự thể hiện chính sách pháp luật hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội, dựa trên nguyên tắc có sự phân hóa trong xử lý, tạo điều kiện cho những người lầm đường, lạc lối phạm tội có cơ hội để lập công chuộc tội, tự cải tạo mình để hòa nhập với xã hội.

- Quá trình giải quyết vụ án, lãnh đạo, kiểm sát viên không chỉ nắm vững các tình tiết phạm tội; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị can, mà còn phải nắm vững những thay đổi về chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương để áp dụng, vận dụng chế định miễn TNHS đúng đắn, phù hợp.

- Đề cao ý thức trách nhiệm của lãnh đạo, kiểm sát viên trong việc áp dụng chế định đình chỉ điều tra do miễn TNHS. Tránh cả hai khuynh hướng sợ trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, không áp dụng chế định cho đối tượng có đủ điều kiện để hưởng chính sách nhân đạo của pháp luật và khuynh hướng lạm dụng để áp dụng sai đối tượng được hưởng chính sách.

- Lãnh đạo các cấp Kiểm sát phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện những sai phạm, khó khăn, vướng mắc để có biện pháp uốn nắn, tháo gỡ kịp thời nhằm phát huy tính tích cực của chế định.

- Tổ chức tập huấn, rút kinh nghiệm, để nâng cao nhận thức về chế định miễn TNHS. Nâng cao năng lực nghiệp vụ và trách nhiệm pháp lý, đạo đức nghề nghiệp của Lãnh đạo, Kiểm sát viên trong việc áp dụng, vận dụng các quy định của BLHS về miễn trách nhiệm hình sự.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với cơ quan điều tra, kiểm sát chặt chẽ ngay từ khi khởi tố, bảo đảm việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can có căn cứ và đúng pháp luật.

- Trong quá trình điều tra, truy tố; lãnh đạo, kiểm sát viên phải nắm vững những chuyển biến tình hình về kinh tế - chính trị - xã hội, các thay đổi về chính sách hình sự, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương để áp dụng, vận dụng chế định miễn TNHS cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Lãnh đạo đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên cần tăng cường công tác kiểm tra, có biện pháp quản lý đối với việc đình chỉ điều tra do miễn TNHS; kịp thời phát hiện những sai phạm, thiếu sót và có biện pháp chấn chỉnh.

## **2. Kiến nghị**

Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 08- NQ/TW ngày 02/01/2002, số 48 ngày 24/5/2005, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp, là những tồn tại, khuyết điểm của công tác tư pháp hiện nay có nguyên nhân do pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, thiếu hướng dẫn pháp luật và còn nhiều sơ hở; từ thực trạng hoạt động đình chỉ vụ án như đã nêu trên chúng tôi có những kiến nghị sau:

- Đề nghị UBTV Quốc hội theo thẩm quyền, sớm có giải thích, hướng dẫn về nội dung của một số điều luật gặp nhiều khó khăn, vận dụng trong thực tiễn áp dụng pháp luật, như giải thích, hướng dẫn nhận thức Điều 25 BLHS để có sự thống nhất về nhận thức.

- Đề nghị Liên ngành Trung ương cần sớm tổ chức nghiên cứu để xây dựng Thông tư liên tịch để hướng dẫn, thực hiện thống nhất về một số quy định pháp luật về đình chỉ án hình sự trong các cơ quan tiến hành tố tụng, như đình chỉ miễn TNHS, đình chỉ không tội ...

- Trên cơ sở Báo cáo rút kinh nghiệm, Báo cáo kiểm tra án đình chỉ, đề nghị Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo các đơn vị chức năng trong ngành nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao để xây dựng Thông tư hướng dẫn và có kiến nghị với Quốc hội bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các quy định này trong sửa đổi BLHS lần tới./.

### ***Tài liệu tham khảo:***

1. Báo cáo rút kinh nghiệm việc đình chỉ điều tra do MTNHS theo quy định tại Điều 25 BLHS (năm 2010, Vụ 1- VKSNDTC);
2. Miễn TNHS - Thực trạng và kiến nghị - Nguyễn Mạnh Hiền - Vụ trưởng Vụ 1 - Tạp chí Kiểm sát số 19 tháng 10/2010;
3. Bình luận khoa BLHS - Đinh Văn Quế - NXB TP. HCM năm 2006;
4. Kết luận kiểm tra án đình chỉ của VKSNDTC tại một số địa phương;
5. Về chế định miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 - Trịnh Tiến Việt - Khoa Luật ĐHQG HN.